

# NAB-Brown #1

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công Thương

Ngày soạn thảo: 03/04/2012

Ngày cập nhật: 18/08/2025

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT & THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

#### 1.1. Nhận dạng hóa chất

Tên sản phẩm : NAB-Brown #1  
Mã tham chiếu : 6283

#### 1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất dùng cho mạ hợp kim  
Hạn chế khi sử dụng : Không sử dụng cho các mục đích khác

#### 1.3. Thông tin nhà cung cấp / nhà sản xuất

Tên công ty : Kizai Corporation  
Trụ sở chính : 9-10 Kodenmacho, Chuo-ku, Tokyo 103-0001, Nhật Bản  
Địa chỉ : 10-4 Fukuura 2-chome, Kanazawa-ku, Yokohama 236-0004, Nhật Bản  
Điện thoại : +81-45-782-3085  
Fax : +81-45-782-3076  
Email : [safety@kizai-chem.co.jp](mailto:safety@kizai-chem.co.jp)  
Bộ phận phụ trách : R&D KIZAI Lab - Yokohama  
Số điện thoại khẩn cấp : +81-45-782-3085

### MỤC 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### 2.1. Phân loại nguy hại hóa học theo GHS

- a. Ăn mòn/kích ứng da: Nhóm 2.  
b. Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt: Nhóm 2.  
c. Mẫn cảm da: Nhóm 1.  
d. Độc tính sinh sản: Nhóm 2.  
e. Độc tính với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần): Nhóm 1 (Hệ thần kinh trung ương, toàn cơ thể).  
Nhóm 2 (Phổi, thận, tuyến thượng thận, hệ hô hấp).  
f. Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm lặp lại): Nhóm 1 (Hệ hô hấp, hệ tạo máu).  
Nhóm 2 (Gan, lách).

#### 2.2. Yếu tố nhãn theo GHS:

##### a. Biểu tượng cảnh báo:



- b. Từ cảnh báo:
- c. Nội dung cảnh báo nguy hại:
- Nguy hiểm.
  - Gây kích ứng da.
  - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
  - Có thể gây phản ứng dị ứng da.
  - Nghi ngờ gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
  - Gây tổn thương hệ thần kinh trung ương, toàn cơ thể.
  - Có thể gây tổn thương phổi, thận, tuyến thượng thận, hệ hô hấp.
  - Gây tổn thương hệ hô hấp, hệ tạo máu khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

- Có thể gây tổn thương gan, lách khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

#### d. Nội dung khuyến cáo phòng ngừa:

- **Phòng ngừa:**

- Rửa tay và mắt kỹ sau khi thao tác với hóa chất.
- Mang găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ.
- Không hít phải sương, hơi hoặc bụi phun từ hóa chất.
- Không mang quần áo nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
- Đọc kỹ hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng.
- Không thao tác với hóa chất khi chưa hiểu đầy đủ các biện pháp an toàn.
- Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.

- **Ứng phó:**

- Nếu dính trên da: Rửa bằng nhiều nước.
- Nếu bị kích ứng da hoặc phát ban: Liên hệ cơ sở y tế.
- Cởi bỏ quần áo nhiễm bản hóa chất và giặt trước khi tái sử dụng.
- Nếu dính vào mắt: Rửa mắt cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng (nếu có và thuận tiện để tháo), sau đó tiếp tục rửa mắt.
- Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên hệ cơ sở y tế.
- Nếu phơi nhiễm hoặc nghi ngờ phơi nhiễm: Liên hệ bác sĩ.

- **Bảo quản:** Bảo quản nơi có khóa an toàn.

- **Thải bỏ:**

- Thải bỏ sản phẩm, bao bì và thùng chứa theo đúng quy định của địa phương, khu vực, quốc gia, và quốc tế.
- Không thải bỏ ra môi trường.

#### 2.3. Các thông tin nguy hại khác

Không có dữ liệu.

#### 2.4. Biện pháp phòng ngừa nguy hiểm

Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn khi sử dụng và lưu trữ hóa chất.

### MỤC 3: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

**Phân loại (chất hoặc hỗn hợp chất):** Hỗn hợp chất.

Thành phần	Công thức hóa học	Số CAS	Nồng độ
Glyoxal	CHOCHO	107-22-2	3.0%
Isopropyl alcohol	C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> O	67-63-0	3.0%
Polyethyleneimine	(C <sub>4</sub> H <sub>13</sub> N <sub>3</sub> ·C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> N) <sub>x</sub>	106899-94-9	2.0%
Glycerol polyglycidyl ether	(C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> O <sub>3</sub> ·C <sub>3</sub> H <sub>5</sub> ClO) <sub>x</sub>	25038-04-4	1.0%
Nước	H <sub>2</sub> O	7732-18-5	91.0%

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

#### 4.1. Biện pháp sơ cứu

##### a. Sơ cứu trong trường hợp hít phải

- Đưa nạn nhân ra nơi có không khí trong lành, để nạn nhân nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.
- Liên hệ cơ sở y tế.

##### b. Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da

- Rửa ngay vùng da bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nhiều nước hoặc tắm dưới vòi sen.
- Cởi bỏ trang phục, phụ kiện bị nhiễm bản hóa chất.
- Liên hệ cơ sở y tế.

##### c. Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt

- Rửa mắt ngay bằng nước sạch chảy liên tục trong ít nhất 10 phút.
- Giữ mi mắt mở khi rửa để đảm bảo nước tiếp xúc toàn bộ mắt.

- Liên hệ cơ sở y tế.
- d. Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải**
- Súc miệng bằng nước.
- Uống nhiều nước và kích thích gây nôn.
- Liên hệ cơ sở y tế.

#### 4.2. Các triệu chứng, tác hại nghiêm trọng cấp tính và mạn tính

- Không có dữ liệu.

#### 4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu quan trọng

- Không có dữ liệu.

### MỤC 5: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

#### 5.1. Phương tiện chữa cháy

- Chất chữa cháy thích hợp : Bột chữa cháy, nước, bọt chữa cháy.
- Chất chữa cháy không thích hợp : Không có dữ liệu.

#### 5.2. Nguy cơ sản sinh chất độc khi cháy

- Không có.

#### 5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

- Di chuyển các thùng, bao chứa hóa chất đến nơi an toàn nếu có thể.
- Nếu không thể di chuyển hóa chất đến nơi an toàn, cần phun nước lên sản phẩm và khu vực xung quanh để làm mát.
- Hướng dẫn những người không phụ trách ứng phó sự cố di chuyển đến vị trí đầu gió, tránh xa khu vực cháy.
- Tiến hành chữa cháy ở vị trí xuôi chiều gió.
- Người tham gia chữa cháy phải sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ thích hợp.

### MỤC 6: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

#### 6.1. Biện pháp bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân như găng tay cao su, ủng cao su và kính bảo hộ.
- Giữ những người không có trang bị bảo hộ tránh xa khu vực sự cố.

#### 6.2. Các cảnh báo về môi trường

- Không để hóa chất xâm nhập vào nguồn nước hoặc hệ thống thoát nước.
- Thông báo cho cơ quan chức năng trong trường hợp hóa chất rò rỉ vào nguồn nước hoặc hệ thống thoát nước.

#### 6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

- Thấm hút hóa chất bằng cát khô, đất, mùn cưa hoặc giẻ lau.
- Thu gom hóa chất đã được thấm hút vào thùng chứa sạch, phù hợp.
- Xử lý chất thải bị nhiễm bẩn theo quy định tại Mục 13 của phiếu này.

### MỤC 7: YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

#### 7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác

- Sử dụng hóa chất tại nơi có hệ thống hút cục bộ hoặc thông gió chung.
- Trang bị phương tiện bảo hộ phù hợp để tránh việc hóa chất tiếp xúc với quần áo, da và mắt.
- Rửa tay, rửa mặt và súc miệng bằng nước sạch sau khi thao tác với hóa chất.
- Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khu vực thao tác với hóa chất.

#### 7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Đóng kín bao bì, thùng chứa đựng hóa chất khi không sử dụng.
- Bảo quản hóa chất ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.

## MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM & YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### 8.1. Các thông số kiểm soát

- a. **Nồng độ kiểm soát:** 200 ppm (tính theo isopropyl alcohol).
- b. **Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:**
  - **Hiệp hội Vệ sinh Lao động Nhật Bản (JSOH, 2024):** 400 ppm, 980 mg/m<sup>3</sup> (giới hạn trên, tính theo isopropyl alcohol).
  - **Hội nghị Chuyên gia Vệ sinh Công nghiệp Chính phủ Hoa Kỳ (ACGIH, 2024):**
    - Giá trị giới hạn ngưỡng – Trung bình theo thời gian (TLV-TWA): 0,1 mg/m<sup>3</sup> (tính theo glyoxal); 200 ppm (tính theo isopropyl alcohol).
    - Giá trị giới hạn ngưỡng – Phơi nhiễm ngắn hạn (TLV-STEL): 400 ppm (tính theo isopropyl alcohol).

### 8.2. Các biện pháp kiểm soát & thiết bị phù hợp

- **Biện pháp vệ sinh:** Tuân thủ các biện pháp an toàn khi sử dụng và lưu trữ hóa chất. Rửa tay và rửa mặt sau khi thao tác với hóa chất.

### 8.3. Biện pháp & thiết bị bảo hộ cá nhân

- a. **Bảo hộ hệ hô hấp** : Đeo mặt nạ bảo hộ phù hợp.
- b. **Bảo hộ mắt & mặt** : Đeo kính bảo hộ hoặc kính che mắt.
- c. **Bảo hộ da & cơ thể** : Mặc quần áo bảo hộ, ủng cao su.
- d. **Bảo hộ tay** : Đeo găng tay cao su.



## MỤC 9: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- a. **Trạng thái vật lý** : Chất lỏng
- b. **Điểm sôi / Khoảng sôi (°C)** : Khoảng 100°C
- c. **Màu sắc** : Nâu đậm
- d. **Điểm nóng chảy / đông đặc (°C)** : Không có dữ liệu
- e. **Mùi đặc trưng** : Mùi cồn
- f. **Điểm cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định** : Không có
- g. **Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn** : Không có dữ liệu
- h. **Nhiệt độ tự cháy (°C)** : Không có
- i. **Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn** : Không có dữ liệu
- j. **Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)** : Không có dữ liệu
- k. **Độ hòa tan trong nước** : Hòa tan hoàn toàn trong nước
- l. **Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)** : Không có dữ liệu
- m. **Độ pH** : 4 – 8
- n. **Tốc độ bay hơi (Ethyl acetate = 1)** : Không có dữ liệu
- o. **Khối lượng riêng (Nước = 1)** : 1,00 – 1,02 g/cm<sup>3</sup>
- p. **Tính dễ cháy** : Không cháy
- q. **Nhiệt độ phân hủy** : Không có dữ liệu
- r. **Độ nhớt động học** : Không có dữ liệu
- s. **Hệ số phân bố n-octanol/nước (log Kow)** : Không có dữ liệu
- t. **Đặc tính hạt** : Không có dữ liệu

## MỤC 10: MỨC ỔN ĐỊNH & PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

- a. Khả năng phân ứng : Không phản ứng trong điều kiện thông thường.
- b. Tính ổn định : Ổn định trong điều kiện thông thường.
- c. Phản ứng nguy hiểm : Không có.
- d. Các điều kiện cần tránh : Không có.
- e. Vật liệu không tương thích : Không có.
- f. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không có.

## MỤC 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- a. Đường phơi nhiễm : Tiếp xúc qua da, hít phải, tiếp xúc với mắt, nuốt phải.
- b. Triệu chứng :
  - **Ăn mòn hoặc kích ứng da:** Gây kích ứng da.
  - **Tổn thương mắt nghiêm trọng hoặc kích ứng mắt:** Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
  - **Mẫn cảm hô hấp hoặc da:** Có thể gây phản ứng dị ứng da.
- c. Tác hại tức thì :
  - **Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần):** Gây tổn thương hệ thần kinh trung ương, toàn cơ thể. Có thể gây tổn thương phổi, thận, tuyến thượng thận, hệ hô hấp.
  - **Nguy cơ hít sặc:** Không có dữ liệu.
- d. Tác hại lâu dài & ảnh hưởng mãn tính :
  - **Khả năng gây đột biến tế bào mầm:** Không có dữ liệu.
  - **Khả năng gây ung thư:** Không có dữ liệu.
  - **Độc tính sinh sản:** Giảm tăng trọng và tỷ lệ mang thai, tăng tỷ lệ tử vong của thai ở chuột (tính theo isopropyl alcohol).
  - **Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần):** Gây tổn thương hệ hô hấp, hệ tạo máu khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại. Có thể gây tổn thương gan, lách khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
- e. Độc tính cấp tính : Đường miệng (chuột):
  - $LD_{50} = 200$  mg/kg (tính theo glyoxal)
  - $LD_{50} = 4.384$  mg/kg (tính theo isopropyl alcohol)

## MỤC 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- a. Độc tính đối với môi trường :
  - Cá (Fathead minnow):  $LC_{50}$  (96 giờ) = 86 mg/L (tính theo glyoxal).
  - Cá (Oryzias latipes):  $LC_{50}$  (96 giờ) > 100 mg/L (tính theo isopropyl alcohol).
  - Giáp xác (Daphnia magna): NOEC (21 ngày) > 100 mg/L (tính theo isopropyl alcohol).
- b. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy : Không có dữ liệu.
- c. Khả năng tích lũy sinh học : Không có dữ liệu.
- d. Độ linh động trong đất : Không có dữ liệu.
- e. Nguy cơ gây suy giảm tầng ozone : Không có dữ liệu.

- f. Các tác hại khác :
- Không để hóa chất xâm nhập vào nguồn nước hoặc hệ thống thoát nước.
  - Có thể gây nguy hiểm cho nguồn nước uống ngay cả khi chỉ rò rỉ với lượng nhỏ vào đất.

## MỤC 13: THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

### 13.1. Phương pháp xử lý hóa chất tồn dư cần thải bỏ

- Việc thải bỏ hóa chất phải tuân thủ các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.
- Bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.
- Không để hóa chất xâm nhập vào hệ thống thoát nước.

### 13.2. Phương pháp xử lý bao bì, thùng chứa nhiễm bẩn hóa chất

- Trước khi thải bỏ, phải loại bỏ hoàn toàn hóa chất còn lại trong bao bì, thùng chứa.
- Sau khi làm sạch, bao bì, thùng chứa hóa chất cần được tái chế hoặc thải bỏ theo đúng quy định và tiêu chuẩn hiện hành.

## MỤC 14: THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

### 14.1. Quy định quốc tế

- a. **Vận chuyển đường bộ:** Tuân thủ các quy định về vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ hoặc đường sắt.
- **Số điện thoại hướng dẫn ứng phó khẩn cấp:** -
- b. **Vận chuyển đường biển:** Tuân thủ theo các quy định của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO).
- **Số hiệu UN:** -
  - **Tên phương tiện vận chuyển thích hợp:** -
  - **Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển:** -
  - **Quy cách đóng gói (nếu có):** -
  - **Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương):** Không áp dụng.
  - **Vận chuyển trong tàu lớn:** Không có dữ liệu.
  - **Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển:** Không có dữ liệu.
- c. **Vận chuyển đường hàng không:** Tuân thủ theo quy định của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO) và Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).
- **Số hiệu UN:** -
  - **Tên phương tiện vận chuyển thích hợp:** -
  - **Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển:** -
  - **Quy cách đóng gói (nếu có):** -

### 14.2. Quy định nội địa

- a. **Vận chuyển đường bộ:** Tuân thủ các quy định về kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm, phòng cháy chữa cháy và an toàn giao thông đường bộ.
- **Số điện thoại hướng dẫn ứng phó khẩn cấp:** -
- b. **Vận chuyển đường biển:** Tuân thủ theo các quy định về an toàn tàu biển và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển.
- c. **Vận chuyển đường hàng không:** Tuân thủ theo các quy định về hàng không dân dụng.

### 14.3. Lưu ý khi vận chuyển

Sắp xếp, cố định chắc chắn các bao bì, thùng chứa hóa chất để tránh tràn đổ, rơi hoặc sụp đổ trong quá trình vận chuyển.

## MỤC 15: THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

- Áp dụng theo các quy định tại Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công Thương, cùng các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.

- Áp dụng theo các luật, quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành khác trong các lĩnh vực liên quan như: an toàn, vệ sinh lao động, quản lý phát thải và chất ô nhiễm, kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm, phòng cháy chữa cháy, an toàn tàu biển, hàng không dân dụng, phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển.
- Theo quy định pháp luật Nhật Bản, sản phẩm/thành phần trong sản phẩm có liên quan đến các quy định sau:
  - Luật An toàn và Sức khỏe Lao động: Điều 18 đối với isopropyl alcohol.
  - Luật An toàn và Sức khỏe Lao động: Kiểm soát theo khoản 2 Điều 18 đối với glyoxal và isopropyl alcohol.
  - Chất có hại gây kích ứng da: Glyoxal.
  - Chất có hại có khả năng hấp thụ qua da: Glyoxal.
  - Luật Đăng ký phát thải và chuyển giao chất ô nhiễm: Hóa chất được chỉ định Loại 1 đối với glyoxal.
  - Luật Kiểm soát Chất độc hại và Nguy hiểm: Không áp dụng.
  - Luật Phòng cháy chữa cháy: Không áp dụng.
  - Luật An toàn Tàu biển: Không áp dụng.
  - Luật Hàng không Dân dụng: Không áp dụng.
  - Luật Phòng ngừa Ô nhiễm Biển: Không áp dụng.

## MỤC 16: CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### 16.1. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang tổng hợp các quy định pháp luật liên quan đến hóa chất của Nhật Bản (The Chemical Daily).
- Giá trị giới hạn ngưỡng tiếp xúc nghề nghiệp (Threshold Limit Values) và Chỉ số phơi nhiễm sinh học (Biological Exposure Indices) năm 2024 của Hiệp hội Đo lường Môi trường Lao động Nhật Bản (Japan Association for Working Environment Measurement).
- Tuyển tập luật kiểm soát chất độc hại và nguy hiểm của Nhật Bản (Yakumukohosha).
- Phiếu an toàn hóa chất của nguyên liệu.

### 16.2. Thông tin khác

- Phiếu an toàn hóa chất này được xây dựng theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS).
- Nội dung về tính nguy hiểm, độc tính và ảnh hưởng môi trường của sản phẩm được suy ra từ thông tin của nguyên liệu. Nhà cung cấp không đảm bảo hoàn toàn về nội dung, tính chất lý hóa, mức độ nguy hiểm và độc tính của sản phẩm.
- Các khuyến cáo phòng ngừa được áp dụng cho điều kiện sử dụng thông thường. Trong trường hợp sử dụng đặc biệt, cần thực hiện các biện pháp an toàn phù hợp.
- Tài liệu này có thể được cập nhật khi có thông tin mới liên quan.



# Contact Us



[www.LexDD.net](http://www.LexDD.net)



[info@LexDD.net](mailto:info@LexDD.net)



+84-567-928-696